

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: 312-V01/TPP-CTY/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 38609003

Fax : (028) 38607622

E-mail: info@tanphuvietnam.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303640880

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA CHARM

2. Thành phần: Nhựa Tritan, Nhựa PP, Inox 304, Silicone, Hạt màu.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bình nước Kita Charm: được đóng quy cách 01 cái/ hộp giấy; 50 hộp/ thùng carton.

Hoặc đóng gói theo quy cách yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Chịu trách nhiệm về hàng hóa bởi: Công Ty Cổ Phần Tân Phú Việt Nam

Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Sản xuất tại: ZHEJIANG XILE INDUSTRY CO., LTD.

Địa chỉ: No. 577, Gaoxin West Second Road, Tongxiang Economic Development Zone, Tongxiang City, Jiaxing City, Zhejiang Province, China (Trung Quốc).

Viết tắt là: Sản xuất tại: ZXI CO.,LTD.

Địa chỉ: Tongxiang, Jiaxing, Zhejiang, China (Trung Quốc).

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1: 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”.
- QCVN 12-2: 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”.
- QCVN 12-3: 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Ngô Đức Trung
Phó Tổng giám đốc

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN



Tên sản phẩm: Bình nước Kita Charm • Mã sản phẩm: HNK.BKCH.0900 • Dung tích: 900 ml • Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (131 x 91 x 247) mm • Khối lượng tịnh: 259.5 g • Thành phần: Nhựa Tritan, Nhựa PP, Inox 304, Silicone, Hạt màu • Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng nước, chịu nhiệt tới 90°C • Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát • Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Kita Charm water bottle • Materials: Tritan, PP, SS304, Silicone, Color masterbatch • User guide: Used to store water, heat – resistant up to 90°C • Product care instruction: Keep in a cool, dry place • Precaution: Keep away from direct heat sources

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
 Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
 Địa chỉ: 314 Lý Bán Bích, Phường Tân Phú,
 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Hotline: 1800 7009 (miễn phí)
 Responsible for goods by: Tân Phú Việt Nam JSC
 Address: 314 Lý Bán Bích Street, Tân Phú Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 Hotline: 1800 7009 (toll free)

Sản xuất tại: ZXI CO.,LTD / Manufactured by: ZXI CO.,LTD
 Địa chỉ / Address: Tongxiang, Jiangxing, Zhejiang, China
 SX/MFG 08/2024
 Xuất xứ Trung Quốc / Made in China

KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/08/2025
Page 01/12

- Tên mẫu : BÌNH NƯỚC KITA CHARM
Name of sample
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Description (xem hình trang 12/12/ see picture on page 12/12)
- Số lượng mẫu : 01
Quantity
- Ngày nhận mẫu : 08/08/2025
Date of receipt
- Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 25/08/2025
Testing duration
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM
Customer 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm : Xem các trang tiếp theo
Test results Refer to next pages

TL. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
PP. HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LAB.

Tiêu Trọng Minh Luân

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/08/2025
 Page 02/12

A- THÂN BÌNH

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (+)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i>		ASTM E 1252 – 98 (2021)		Polyalkyl-terephthalate (++)	
<u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<u>THỬ NGÂM THÔI NHIỆM/ ELUTION TEST</u>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng antimon trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Antimony content in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	0,02	KPH/ND	≤ 0,05
7.7 Hàm lượng germani trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Germanium content in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	0,02	KPH/ND	≤ 0,1
7.8 Hàm lượng cặn khô/ <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C,</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



25/08/2025
Page 03/12

Diễn giải kết quả/ Interpretation of results:

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 08 trên tổng số 08 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-1 : 2011/BYT. Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-1 : 2011/BYT./ *This testing reports recorded testing results of 08 per 08 test items as regulated in QCVN 12-1 : 2011/BYT. Sample that has all testing results indicated on section No 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-1 : 2011/BYT.*

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*
(+) Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods”.*
(++) Polyethyleneterephthalate thuộc nhóm polyalkylterephthalate.
KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*
Trong báo cáo này, thực hiện nhận xét phù hợp/không phù hợp của kết quả thử nghiệm mẫu với các yêu cầu kỹ thuật, dựa trên yêu cầu của khách hàng và quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$./ *In this report, conformity/non-conformity of the test results with the technical requirements is evaluated based on the customer's requirements and the decision rule (referencing ILAC_G8_09_2019) with a guard band of $w = 0$.*



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



25/08/2025
Page 04/12

B- NẮP MÀU XANH DƯƠNG

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (+)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i>	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Poly-propylene (±)	-
THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô/ <i>Evaporation residue</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



25/08/2025
Page 05/12

**Diễn giải kết quả/
Interpretation of
results:**

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 06 trên tổng số 06 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-1 : 2011/BYT. Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-1 : 2011/BYT. / *This testing reports recorded testing results of 06 per 06 test items as regulated in QCVN 12-1 : 2011/BYT. Sample that has all testing results indicated on section No. 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-1 : 2011/BYT.*

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(+) Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”. / *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods”.*

(*) Định tính thành phần nhựa chính/ *Qualitative analysis of main polymer*
KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

Trong báo cáo này, thực hiện nhận xét phù hợp/không phù hợp của kết quả thử nghiệm mẫu với các yêu cầu kỹ thuật, dựa trên yêu cầu của khách hàng và quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$. / *In this report, conformity/non-conformity of the test results with the technical requirements is evaluated based on the customer's requirements and the decision rule (referencing ILAC_G8_09_2019) with a guard band of $w = 0$.*


QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/08/2025
Page 06/12

C- NẮP MÀU CAM

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (+)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i>	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Poly-propylene (✓)	-
<u>THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST</u>					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
<u>THỬ NGÂM THỜI NGHIỆM/ ELUTION TEST</u>					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô/ <i>Evaporation residue</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	< 10,0 (++)	≤ 30
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



25/08/2025
Page 07/12

**Diễn giải kết quả/
Interpretation of
results:**

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 06 trên tổng số 06 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-1 : 2011/BYT. Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-1 : 2011/BYT./ *This testing reports recorded testing results of 06 per 06 test items as regulated in QCVN 12-1 : 2011/BYT. Sample that has all testing results indicated on section No. 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-1 : 2011/BYT.*

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(+) Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods”.*

(++) Giới hạn định lượng/ *Limit of quantification*

(*) Định tính thành phần nhựa chính/ *Qualitative analysis of main polymer*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

Trong báo cáo này, thực hiện nhận xét phù hợp/không phù hợp của kết quả thử nghiệm mẫu với các yêu cầu kỹ thuật, dựa trên yêu cầu của khách hàng và quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$./ *In this report, conformity/non-conformity of the test results with the technical requirements is evaluated based on the customer's requirements and the decision rule (referencing ILAC_G8_09_2019) with a guard band of $w = 0$.*


QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/08/2025
Page 08/12

D- ĐẦU ống HÚT + RON

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of detection	Kết quả thử nghiệm Test result	Mức yêu cầu Requirement (+)
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method</i> • Đầu ống hút • Ron	-	ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Silicone Silicone	
THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-2 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.4 Thử 2-Mercapto imidazoline/ <i>2-Mercapto imidazoline test</i>	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	N/A	Âm tính Negative
THỬ NGÂM THỜI NHIỆM/ ELUTION TEST					
7.5 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals (as Pb) in 4 % acetic acid after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 1,0	≤ 1
7.6 Hàm lượng kẽm trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Zinc content in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 15
7.7 Hàm lượng phenol trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Phenol content in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	< 5	≤ 5
7.8 Thử formaldehyde trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Formaldehyde test in water after 30 min at 60 °C</i>	-	QCVN 12-2 : 2011/BYT	-	Âm tính Negative	Âm tính Negative
7.9 Hàm lượng cặn khô/ <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-2 : 2011/BYT			
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 60

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/08/2025
Page 09/12



**Diễn giải kết quả/
Interpretation of
results:**

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 8 trên tổng số 8 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-2 : 2011/BYT . Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-2 : 2011/BYT./ *This testing reports recorded testing results of 8 per 8 test items as regulated in QCVN 12-2 : 2011/BYT . Sample has all testing results indicated on section No 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-2 : 2011/BYT.*

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(+) Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-2 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-2 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for rubber implements, container and packaging in direct contact with foods”.*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

N/A: Không áp dụng đối với cao su không chứa clo/ *Not applicable for rubber not containing chlorine*

Trong báo cáo này, thực hiện nhận xét phù hợp/không phù hợp của kết quả thử nghiệm mẫu với các yêu cầu kỹ thuật, dựa trên yêu cầu của khách hàng và quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$./ *In this report, conformity/non-conformity of the test results with the technical requirements is evaluated based on the customer's requirements and the decision rule (referencing ILAC_G8_09_2019) with a guard band of $w = 0$.*



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/08/2025
Page 10/12

E- ỒNG HÚT KIM LOẠI

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment⁽⁺⁾</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (lớp phủ bên trong)/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method (inner coating layer)</i>		ASTM E 1252 – 98 (2021)	-	Không có lớp phủ/ <i>No coating</i>	-
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST					
7.2 Hàm lượng arsen/ <i>Arsenic content</i>		QCVN 12-3 : 2011/BYT	0,02	KPH/ND	≤ 0,2
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL				
• Trong axit xitric 0,5 % (w/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 0,5 % citric acid (w/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		0,02	KPH/ND	≤ 0,2
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>		QCVN 12-3 : 2011/BYT	0,02	KPH/ND	≤ 0,1
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL				
• Trong axit xitric 0,5 % (w/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 0,5 % citric acid (w/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		0,02	KPH/ND	≤ 0,1
7.4 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>		QCVN 12-3 : 2011/BYT	0,02	KPH/ND	≤ 0,4
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL				
• Trong axit xitric 0,5 % (w/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 0,5 % citric acid (w/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		0,02	KPH/ND	≤ 0,4
7.5 Hàm lượng cặn khô / <i>Evaporation residue,</i>		QCVN 12-3 : 2011/BYT			
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		-	N/A	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		-	N/A	≤ 30
• Trong axit axetic 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		-	N/A	≤ 30
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		-	N/A	≤ 30

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/08/2025
Page 11/12

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment⁽⁺⁾</i>
7.6 Hàm lượng phenol trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Phenol content in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-3 : 2011/BYT	-	N/A	≤ 5
7.7 Thử formaldehyde trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Formaldehyde test in water after 30 min at 60 °C</i>	-	QCVN 12-3 : 2011/BYT	-	N/A	Âm tính/ <i>negative</i>
7.8 Hàm lượng epichlorohydrin trong pentane sau 120 phút ở 25 °C/ <i>Epichlorohydrin content in pentane after 120 min at 25 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-3 : 2011/BYT	-	N/A	≤ 0,5
7.9 Hàm lượng vinylchloride trong ethanol sau 24 giờ ở 5 °C/ <i>Vinylchloride content in ethanol after 24 h at 5 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-3 : 2011/BYT	-	N/A	≤ 0,05

**Diễn giải kết quả/
*Interpretation of
results:***

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 03 trên tổng số 03 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-3 : 2011/BYT . Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-3 : 2011/BYT.

This testing reports recorded testing results of 03 per 03 test items as regulated in QCVN 12-3 : 2011/BYT . Sample has all testing results indicated on section No 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-3 : 2011/BYT .

Ghi chú/ *Note:*

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

(⁺) Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-3 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-3 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for metallic containers in direct contact with foods”.*

KPH/ND : không phát hiện/ *not detected*

N/A: Không áp dụng đối với mẫu không có lớp phủ nhựa tổng hợp/ *Not applicable for sample without plastic coating.*

Trong báo cáo này, thực hiện nhận xét phù hợp/không phù hợp của kết quả thử nghiệm mẫu với các yêu cầu kỹ thuật, dựa trên yêu cầu của khách hàng và quy tắc ra quyết định (tham khảo theo ILAC_G8_09_2019) với dải bảo vệ $w = 0$./ *In this report, conformity/non-conformity of the test results with the technical requirements is evaluated based on the customer's requirements and the decision rule (referencing ILAC_G8_09_2019) with a guard band of $w = 0$.*

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-04883AHD5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

25/08/2025
Page 12/12



Handwritten signature

QUATEST 3®

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

Công văn: Cập nhật tên và địa chỉ nơi sản xuất
viết đầy đủ

Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2025

Số: 27/TPP-QLCL/2025

Kính gửi: Sở An toàn thực phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh

Trước hết, Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam xin cảm ơn sự hợp tác lâu dài và hỗ trợ của Sở An toàn thực phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh trong suốt thời gian qua.

Nay Công ty chúng tôi có cập nhật bổ sung bản tự công bố đã nộp lên Sở An toàn thực phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh các sản phẩm sau:

STT	Tên sản phẩm	Số HSTCB	Thông tin nộp lên Sở
1	BÌNH NƯỚC KITA GLEE	311-V01/TPP-CTY/2025	☞ TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM ☞ Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA GLEE ☞ Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ☞ Ngày nhận hồ sơ: 10/11/2025
2	BÌNH NƯỚC KITA CHARM	312-V01/TPP-CTY/2025	☞ TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM ☞ Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA CHARM ☞ Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ☞ Ngày nhận hồ sơ: 10/11/2025
3	BÌNH NƯỚC KITA POP	313-V01/TPP-CTY/2025	☞ TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM ☞ Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA POP ☞ Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ☞ Ngày nhận hồ sơ: 10/11/2025
4	BÌNH NƯỚC KITA BASE	314-V01/TPP-CTY/2025	☞ TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM ☞ Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA BASE ☞ Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ☞ Ngày nhận hồ sơ: 10/11/2025

Nội dung cập nhật: Công ty chúng tôi xin cập nhật tên và địa chỉ nơi sản xuất viết đầy đủ tương ứng với tên và địa chỉ nơi sản xuất viết tắt đã công bố trước đó cho mục số “5. Tên và địa chỉ sản xuất sản phẩm” và “III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)”. Chi tiết mẫu nhãn dự kiến sản phẩm được đính kèm trong công văn này.

Sản xuất tại: ZHEJIANG XILE INDUSTRY CO., LTD.

Địa chỉ: No. 577, Gaoxin West Second Road, Tongxiang Economic Development Zone, Tongxiang City, Jiaxing City, Zhejiang Province, China (Trung Quốc)

Viết tắt là: Sản xuất tại: ZXI CO., LTD.

Địa chỉ: Tongxiang, Jiaxing, Zhejiang, China (Trung Quốc).

Công ty chúng tôi cam kết rằng cập nhật này chỉ liên quan cập nhật tên và địa chỉ nơi sản xuất đầy đủ tương ứng với tên và địa chỉ nơi sản xuất viết tắt đã công bố trước đó không thay đổi thành phần cấu tạo, xuất xứ hay tên sản phẩm. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý và tính chính xác của hồ sơ tự công bố đã nộp.

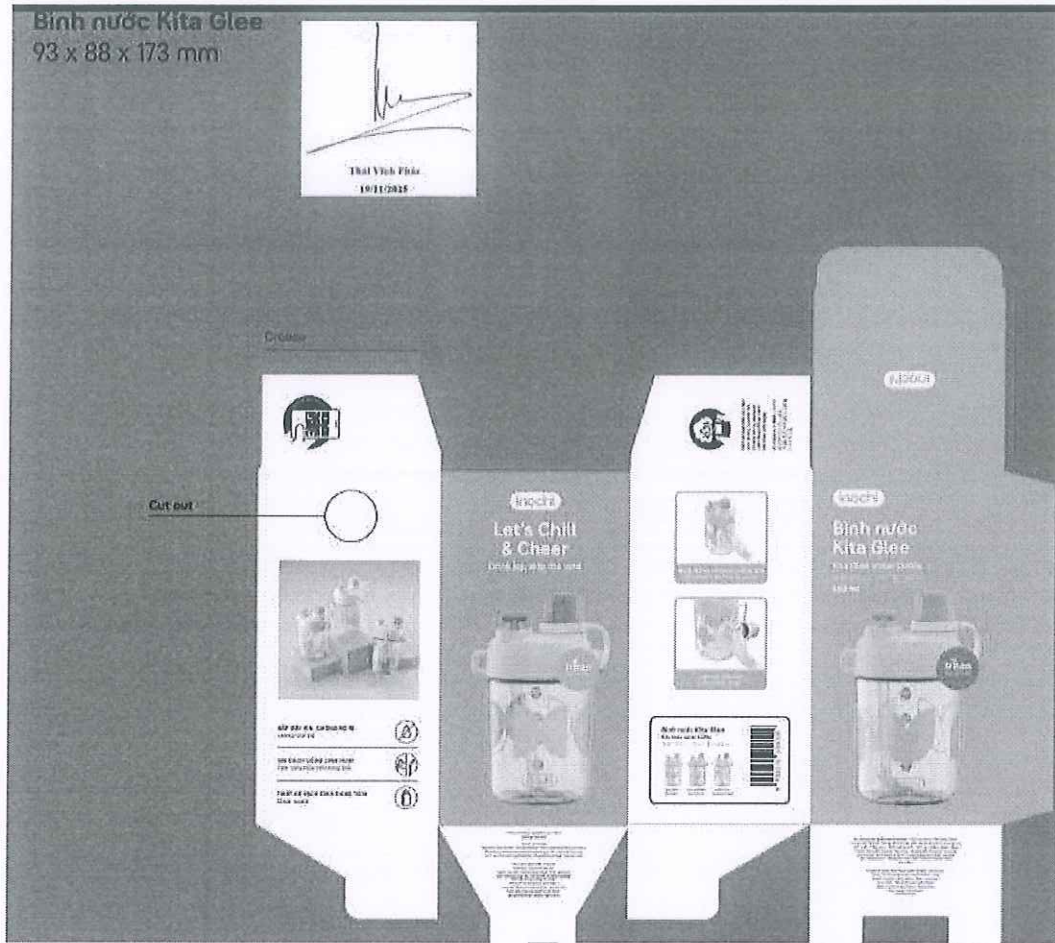
Xin cảm ơn và trân trọng kính chào!

Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Ban Tổng Giám Đốc



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1/ Bình nước Kita Glee



Tên sản phẩm: Bình nước Kita Glee · Mã sản phẩm: HNK.BKGL.0560 ·
Dung tích: 560 ml · Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng
(109 x 86 x 166) mm · Khối lượng tịnh: 191,5 g · Thành phần: Nhựa
Tritan, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu · Hướng dẫn sử dụng: Dùng để
dựng nước, chịu nhiệt tới 90°C · Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô
ráo, thoáng mát · Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt
trực tiếp

Product name: Kita Glee water bottle · **Materials:**
Tritan, PP, Silicone, Color masterbatch · **User
guide:** Used to store water, heat - resistant
up to 90°C · **Product care instruction:**
Keep in a cool, dry place · **Precaution:**
Keep away from direct
heat sources

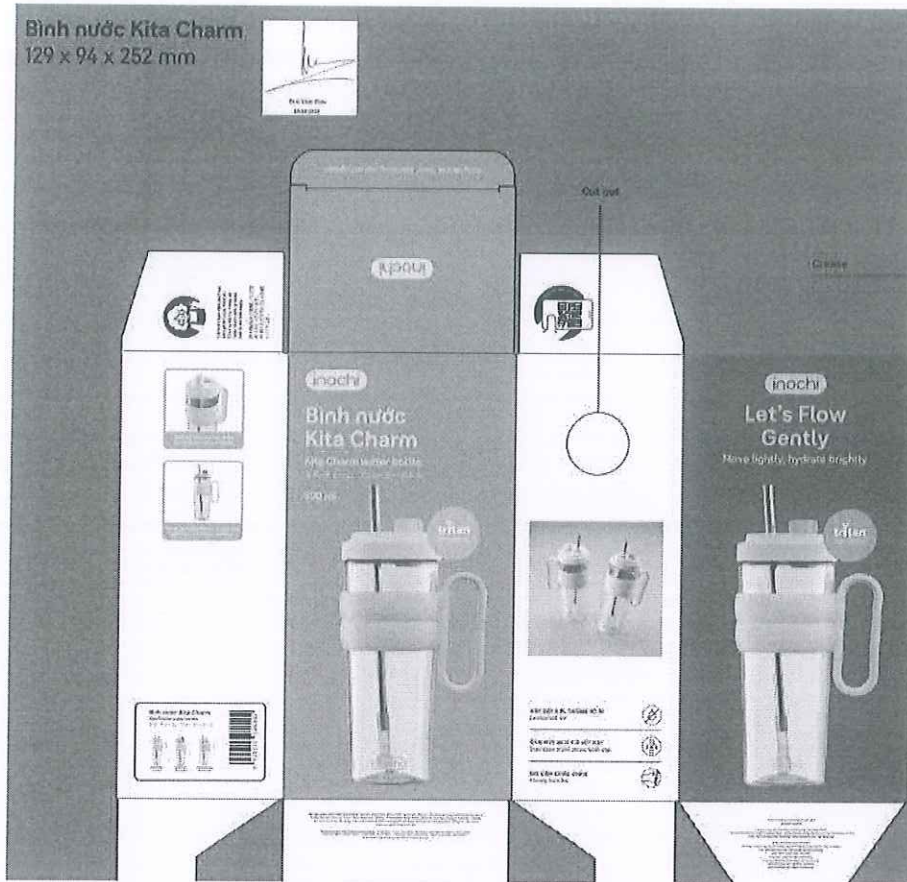
Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)
Responsible for goods by: Tan Phu Vietnam JSC
Address: 314 Luy Ban Bich Street, Tan Phu Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 7009 (toll free)

Sản xuất tại / Manufactured by: Zhejiang Xile Industry Co., Ltd.
Địa chỉ / Address: No. 577, Gaoxin West Second Road, Tongxiang
Economic Development Zone, Tongxiang City, Jiaxing City, Zhejiang
Province, China.

SX/MFG 08/2025
Xuất xứ Trung Quốc / Made in China



2/ Bình nước Kita Charm



Tên sản phẩm: Bình nước Kita Charm · Mã sản phẩm: HNK.BKCH.0900 · Dung tích: 900 ml · Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (131 x 91 x 247) mm · Khối lượng tịnh: 259,5 g · Thành phần: Nhựa Tritan, Nhựa PP, Inox 304, Silicone, Hạt màu · Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng nước, chịu nhiệt tới 90°C · Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát · Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Kita Charm water bottle · Materials: Tritan, PP, SS304, Silicone, Color masterbatch · User guide: Used to store water, heat – resistant up to 90°C · Product care instruction: Keep in a cool, dry place · Precaution: Keep away from direct heat sources

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

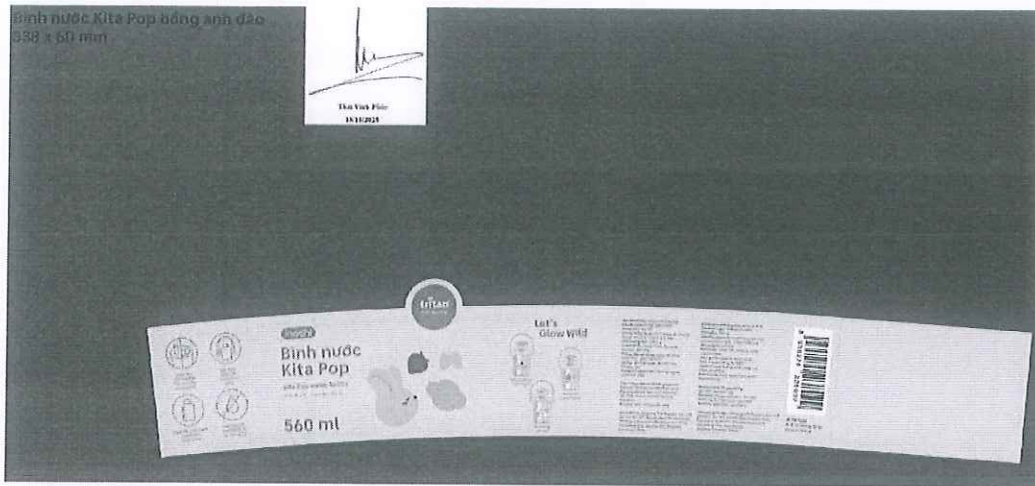
Responsible for goods by: Tan Phu Vietnam JSC
Address: 314 Luy Ban Bich Street, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 7009 (toll free)

Sản xuất tại / Manufactured by: Zhejiang Xile Industry Co., Ltd.
Địa chỉ / Address: No. 577, Gaoxin West Second Road, Tongxiang Economic Development Zone,
Tongxiang City, Jiaxing City, Zhejiang Province, China.

SX/MFG 08/2025
Xuất xứ Trung Quốc / Made in China

3036
CÔNG
CỐ
TÂN
PHÚ
VIỆT
NAM

3/ Bình nước Kita Pop



Tên sản phẩm: Bình nước Kita Pop
Mã sản phẩm: HNK.BKPO.0560
Dung tích: 560 ml
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C)
tương ứng (120 x 100 x 168) mm
Khối lượng tịnh: 233,5 g
Thành phần: Nhựa Tritan, Nhựa PP,
Silicone, Hạt màu
Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng
nước, chịu nhiệt tới 90°C
Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo,
thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn
nhiệt trực tiếp

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường
Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Sản xuất tại: Zhejiang Xile Industry Co., Ltd.
Địa chỉ: No. 577, Gaoxin West Second Road,
Tongxiang Economic Development Zone,
Tongxiang City, Jiaxing City, Zhejiang
Province, China.

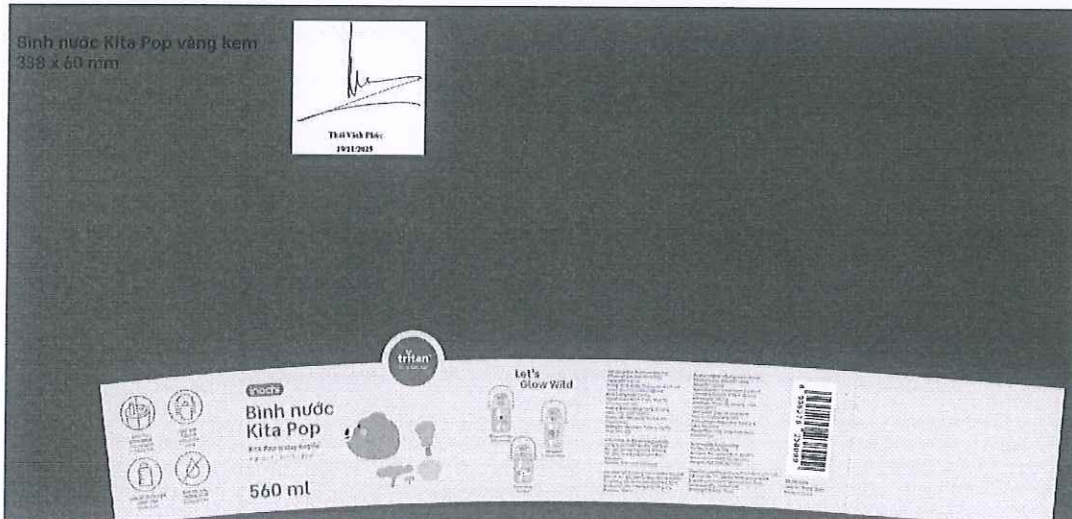
Product name: Kita Pop water bottle
Product code: HNK.BKPO.0560
Capacity: 560 ml
Specifications: Dimensions (L x W x H)
correspond to (120 x 100 x 168) mm
Net weight: 233,5 g
Materials: Tritan, PP, Silicone, Color
masterbatch
User guide: Used to store water,
heat – resistant up to 90°C
Product care instruction: Keep in a
cool, dry place
Precaution: Keep away from direct
heat sources

Responsible for goods by:
Tan Phu Vietnam JSC
Address: 314 Luy Ban Bích, Tan Phu
Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 7009 (toll free)

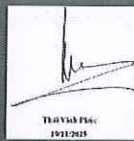
Manufactured by: Zhejiang Xile Industry Co., Ltd.
Address: No. 577, Gaoxin West Second Road,
Tongxiang Economic Development Zone,
Tongxiang City, Jiaxing City,
Zhejiang Province, China.



SX 08/2025
Xuất xứ Trung Quốc
Made in China



Bình nước Kita Pop vàng kem
338 x 60 mm



Tên sản phẩm: Bình nước Kita Pop
Mã sản phẩm: HNK.BKPO.0560
Dung tích: 560 ml
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C)
tương ứng (120 x 100 x 168) mm
Khối lượng tịnh: 233,5 g
Thành phần: Nhựa Tritan, Nhựa PP,
Silicone, Hạt màu
Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng
nước, chịu nhiệt tới 90°C
Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo,
thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn
nhiệt trực tiếp

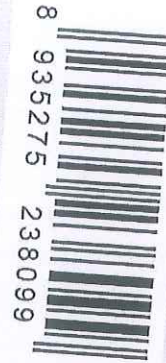
Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường
Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Sản xuất tại: Zhejiang Xile Industry Co., Ltd.
Địa chỉ: No. 577, Gaoxin West Second Road,
Tongxiang Economic Development Zone,
Tongxiang City, Jiaxing City, Zhejiang
Province, China.

Product name: Kita Pop water bottle
Product code: HNK.BKPO.0560
Capacity: 560 ml
Specifications: Dimensions (L x W x H)
correspond to (120 x 100 x 168) mm
Net weight: 233,5 g
Materials: Tritan, PP, Silicone, Color
masterbatch
User guide: Used to store water,
heat – resistant up to 90°C
Product care instruction: Keep in a
cool, dry place
Precaution: Keep away from direct
heat sources

Responsible for goods by:
Tan Phu Vietnam JSC
Address: 314 Luy Ban Bích, Tan Phu
Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 7009 (toll free)

Manufactured by: Zhejiang Xile Industry Co., Ltd.
Address: No. 577, Gaoxin West Second Road,
Tongxiang Economic Development Zone,
Tongxiang City, Jiaxing City,
Zhejiang Province, China.



SX 08/2025
Xuất xứ Trung Quốc
Made in China

Bình nước Kita Pop xanh băng
338 x 60 mm



Tên sản phẩm: Bình nước Kita Pop
Mã sản phẩm: HNK.BKPO.0560
Dung tích: 560 ml
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C)
tương ứng (120 x 100 x 168) mm
Khối lượng tịnh: 233,5 g
Thành phần: Nhựa Tritan, Nhựa PP,
Silicone, Hạt màu
Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng
nước, chịu nhiệt tới 90°C
Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo,
thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn
nhiệt trực tiếp

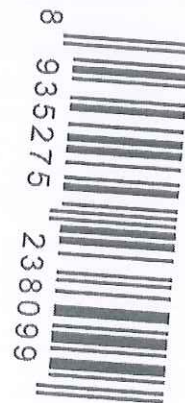
Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường
Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Sản xuất tại: Zhejiang Xile Industry Co., Ltd.
Địa chỉ: No. 577, Gaoxin West Second Road,
Tongxiang Economic Development Zone,
Tongxiang City, Jiaxing City, Zhejiang
Province, China.

Product name: Kita Pop water bottle
Product code: HNK.BKPO.0560
Capacity: 560 ml
Specifications: Dimensions (L x W x H)
correspond to (120 x 100 x 168) mm
Net weight: 233,5 g
Materials: Tritan, PP, Silicone, Color
masterbatch
User guide: Used to store water,
heat – resistant up to 90°C
Product care instruction: Keep in a
cool, dry place
Precaution: Keep away from direct
heat sources

Responsible for goods by:
Tan Phu Vietnam JSC
Address: 314 Luy Ban Bích, Tan Phu
Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 7009 (toll free)

Manufactured by: Zhejiang Xile Industry Co., Ltd.
Address: No. 577, Gaoxin West Second Road,
Tongxiang Economic Development Zone,
Tongxiang City, Jiaxing City,
Zhejiang Province, China.



SX 08/2025
Xuất xứ Trung Quốc
Made in China

180
TY
VN
H
AN
109

Bình nước Kita Base 720 ml
266 x 60 mm



inochi

Bình nước Kita Base

Kita Base water bottle

720 ml



LET'S POWER UP
Stronger for
stronger moves



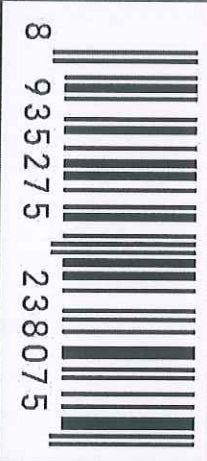
Một số thông tin về bình nước Kita Base...
Tritan là một loại nhựa bền bỉ, chịu nhiệt...
Không chứa BPA, không chứa phthalates...
Dễ dàng vệ sinh và bảo quản...
Thiết kế đẹp mắt, phù hợp với mọi phong cách...
Sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam...
Liên hệ Hotline: 1800 7009 để biết thêm chi tiết...
Mã sản phẩm: HNK.BKBA.0720

Product name: Kita Base water bottle
Product code: HNK.BKBA.0720
Capacity: 720 ml
Specifications: Dimensions (L x W x H) correspond to (85 x 78 x 230) mm
Net weight: 164 g
Materials: Tritan, PP, Silicone, Color masterbatch
User guide: Used to store water, heat-resistant up to 90°C
Product care instruction: Keep in a cool, dry place
Precaution: Keep away from direct heat sources



Tên sản phẩm: Bình nước Kita Base
Mã sản phẩm: HNK.BKBA.0720
Dung tích: 720 ml
Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (85 x 78 x 230) mm
Khối lượng tịnh: 164 g
Thành phần: Nhựa Tritan, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu
Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng nước, chịu nhiệt tới 90°C
Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát
Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Product name: Kita Base water bottle
Product code: HNK.BKBA.0720
Capacity: 720 ml
Specifications: Dimensions (L x W x H) correspond to (85 x 78 x 230) mm
Net weight: 164 g
Materials: Tritan, PP, Silicone, Color masterbatch
User guide: Used to store water, heat-resistant up to 90°C
Product care instruction: Keep in a cool, dry place
Precaution: Keep away from direct heat sources



Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 7009 (Miễn phí)

Responsible for goods by:
Tan Phu Vietnam JSC
Address: 314 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Hotline: 1800 7009 (toll free)

Sản xuất tại:
Zhejiang Xile Industry Co., Ltd.
Địa chỉ: No. 577, Gaoxin West Second Road, Tongxiang Economic Development Zone, Tongxiang City, Jiaxing City, Zhejiang Province, China.

Manufactured by:
Zhejiang Xile Industry Co., Ltd.
Address: No. 577, Gaoxin West Second Road, Tongxiang Economic Development Zone, Tongxiang City, Jiaxing City, Zhejiang Province, China.

SX 08/2026
Xuất xứ Trung Quốc
Made in China



Về việc bổ sung nhãn sản phẩm thực tế trong HSTCB

TP.Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2025

Số: 32/TPP-OLCL/2025

Kính gửi: SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM TP.HCM

Trước hết, Công ty cổ phần Tân Phú Việt Nam xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Sở An toàn thực phẩm vì sự hỗ trợ và hướng dẫn tận tình trong suốt thời gian qua.

Nhằm đáp ứng thị hiếu và xu hướng người tiêu dùng, Công ty chúng tôi có thiết kế lại nhãn của sản phẩm bên dưới nên cần bổ sung vào các hồ sơ tự công bố tương ứng đã nộp, cụ thể như sau:

STT	TÊN HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ	SỐ HSTCB	THÔNG TIN TRÊN WEB
1	BÌNH NƯỚC KITA GLEE	311-V01/TPP-CTY/2025	TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA GLEE Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh Ngày nhận hồ sơ: 10/11/2025
2	BÌNH NƯỚC KITA CHARM	312-V01/TPP-CTY/2025	TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA CHARM Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh Ngày nhận hồ sơ: 10/11/2025

Tại Mục "III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)" trong các hồ sơ tự công bố: Công ty chúng tôi xin bổ sung nhãn sản phẩm thực tế đang được sản xuất. Chi tiết về mẫu nhãn sản phẩm được đính kèm trong công văn này.

Chúng tôi xin cam kết rằng việc cập nhật này không thay đổi thông tin về thành phần cấu tạo, xuất xứ hay tên sản phẩm và Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý và tính chính xác của các hồ sơ tự công bố đã nộp.

Xin cảm ơn và Trân trọng kính chào!

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thoại
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC





Product name: Kita Charm Water Bottle • **Product code:** HNK.BKCH.0900 • **Capacity:** 900 ml • **Color:** Honey yellow, Peach pink, Sea salt • **Materials:** Tritan, PP, SS304, Silicone, Color masterbatch • **User guide:** Used to store water, heat-resistant up to 90°C • **Product care instruction:** Keep in a cool, dry place • **Precaution:** Keep away from direct heat sources

Responsible for goods by:
Tan Phu Viet Nam JSC
 314 Luy Ban Bich Street, Tan Phu
 Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 Hotline: 1800 7009 (toll free)
MFG 10/2025
 Made in China

Manufactured by:
ZHEJIANG XILE INDUSTRY CO., LTD.
 Address: No.577, Gaoxin West Second Road,
 Tongxiang Economic Development Zone,
 Tongxiang City, Jiaxing City,
 Zhejiang Province, China

Tên sản phẩm: Bình nước Kita Charm • **Mã sản phẩm:** HNK.BKCH.0900 • **Dung tích:** 900 ml • **Thông số kỹ thuật:** Kích thước (D x R x C) tương ứng (131 x 91 x 247) mm • **Khối lượng tịnh:** 259,5 g • **Màu sắc:** Vàng mắt, Hồng đào, Xanh muối biển • **Thành phần:** Nhựa Tritan, Nhựa PP, Inox 304, Silicone, Hạt màu • **Hướng dẫn sử dụng:** Dùng để đựng nước, chịu nhiệt tới 90°C • **Hướng dẫn bảo quản:** Nơi khô ráo, thoáng mát • **Thông tin cảnh báo:** Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
 Địa chỉ: 314 Luy Bán Bích,
 Phường Tân Phú, Thành phố
 Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Sản xuất tại:
ZHEJIANG XILE INDUSTRY CO., LTD.
 Địa chỉ: Số 577, Gaoxin West Second,
 Tongxiang Economic Development
 Zone, Tongxiang, Jiaxing,
 Zhejiang, Trung Quốc

SX 10/2025

Xuất xứ Trung Quốc

340880
 NG TY
 PHÂN
 PHÚ
 T NAM
 TP. HỒ CH

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN



Tên sản phẩm: Bình nước Kita Glee • Mã sản phẩm: HNK.BKGL.0560 • Dung tích: 560 ml • Thông số kỹ thuật: Kích thước (D x R x C) tương ứng (109 x 86 x 166) mm • Khối lượng tịnh: 191,5 g • Màu sắc: Vàng mật, Hồng sen, Xanh rừng • Thành phần: Nhựa Tritan, Nhựa PP, Silicone, Hạt màu • Hướng dẫn sử dụng: Dùng để đựng nước, chịu nhiệt tới 90°C • Hướng dẫn bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát • Thông tin cảnh báo: Tránh xa nguồn nhiệt trực tiếp

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
 Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Hotline: 1800 7009 (miễn phí)

Sản xuất tại:
ZHEJIANG XILE INDUSTRY CO., LTD.
 Địa chỉ: Số 577, Gaoxin West Second, Tongxiang Economic Development Zone, Tongxiang, Jiaxing, Zhejiang, Trung Quốc
 SX 10/2025
 Xuất xứ Trung Quốc

Product name: Kita Glee Water Bottle • Product code: HNK.BKGL.0560 • Capacity: 560 ml • Color: Honey yellow, Lotus pink, Forest green • Materials: Tritan, PP, Silicone, Color masterbatch • User guide: Used to store water, heat-resistant up to 90°C • Product care instruction: Keep in a cool, dry place • Precaution: Keep away from direct heat sources

Responsible for goods by:
Tan Phu Viet Nam JSC
 314 Luy Ban Bich Street, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 Hotline: 1800 7009 (toll free)
MFG 10/2025
 Made in China

Manufactured by:
ZHEJIANG XILE INDUSTRY CO., LTD.
 Address: No.577, Gaoxin West Second Road, Tongxiang Economic Development Zone, Tongxiang City, Jiaxing City, Zhejiang Province, China



Công văn: Cập nhật bổ sung mục "4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì"

Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2026

Số: 03/TPP-QLCL/2026

Kính gửi: Sở An toàn thực phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh

Trước hết, Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam xin cảm ơn sự hợp tác lâu dài và hỗ trợ của Sở An toàn thực phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh trong suốt thời gian qua.

Nay Công ty chúng tôi có cập nhật bổ sung bản tự công bố đã nộp lên Sở An toàn thực phẩm Thành Phố Hồ Chí Minh các sản phẩm sau:

STT	Tên sản phẩm	Số HSTCB	Thông tin nộp lên Sở
1	Bình nước Kita Glee	311-V01/TPP-CTY/2025	☛ TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM ☛ Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA GLEE ☛ Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ☛ Ngày nhận hồ sơ: 10/11/2025
2	Bình nước Kita Charm	312-V01/TPP-CTY/2025	☛ TÊN THƯƠNG NHÃN: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM ☛ Tên sản phẩm: BÌNH NƯỚC KITA CHARM ☛ Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ☛ Ngày nhận hồ sơ: 10/11/2025

Nội dung cập nhật: Công ty chúng tôi xin cập nhật thêm phần dung tích, kích thước của sản phẩm trong mục "4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì", như sau:

1. Bình nước Kita Glee

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bình nước Kita Glee: dung tích 560 ml, kích thước (D x R x C) tương ứng (109 x 86 x 166) mm được đóng gói với quy cách 1 cái/ hộp giấy, 30 hộp/thùng carton
- Hoặc đóng gói quy cách theo yêu cầu của khách hàng

2. Bình nước Kita Charm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Bình nước Kita Charm: dung tích 900 ml, kích thước (D x R x C) tương ứng (131 x 91 x 247) mm được đóng gói với quy cách 1 cái/ hộp giấy, 50 hộp/thùng carton
- Hoặc đóng gói quy cách theo yêu cầu của khách hàng

Công ty chúng tôi cam kết rằng cập nhật này chỉ liên quan cập nhật bổ sung nội dung thêm cho mục quy cách đóng gói và chất liệu bao bì đã công bố trước đó không thay đổi thành phần cấu tạo, xuất xứ hay tên sản phẩm. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý và tính chính xác của hồ sơ tự công bố đã nộp.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào!

Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam
Ban Tổng Giám Đốc


Nguyễn Thị Thọai
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC